

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **124/2020/DS-ST**  
Ngày 14-12-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
và tranh chấp tiền công

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Phượng
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một không tham gia phiên tòa.**

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 354/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp tiền công*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1968, HKTT: Số nhà 69, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

2.2. Bà Ngô Thị Kim N1, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị N trình bày:

Tháng 5/2018, bà N đến làm công (trồng bông giấy tại đường lộ theo công trình của vợ chồng ông Lê Thanh H, bà Ngô Thị Kim N1). Ngày 24/5/2018, vợ chồng ông H, bà N1 vay của bà N 20.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sẽ trả, lãi là 2.000.000 đồng. Khi vay, thì vợ chồng ông H, bà N1 có viết giấy mượn tiền đưa cho bà N giữ. Tuy nhiên, vợ chồng ông H, bà N1 không trả gốc và lãi cho bà N theo thỏa thuận. Sau đó, vợ chồng ông H, bà N1 tiếp tục vay của bà N số tiền là 5.000.000 đồng; tổng cộng vợ chồng ông H, bà N1 vay của bà N số tiền là 25.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà N còn làm cho vợ chồng ông H, bà N1 199 ngày công trồng bông giấy; cụ thể năm 2018 là 108 ngày, năm 2019 là 91 ngày; mỗi ngày công là 200.000 đồng; tổng số tiền công là của bà N là 39.800.000 đồng, nhưng vợ chồng ông H, bà N1 cứ hẹn lần mà không chịu trả cho bà N. Do đó, bà N đã khởi kiện vợ chồng ông H, bà N1 tại Tòa án nhân dân thành phố T. Khi Tòa án mời làm việc thì vợ chồng ông H, bà N1 hứa sẽ trả tiền cho bà N nên bà N rút đơn. Tuy nhiên, cho đến ngày 04/3/2020 thì vợ chồng ông H, bà N1 mới trả cho bà N 5.000.000 đồng tiền công còn lại không chịu trả.

Nay, bà N yêu cầu vợ chồng ông H, bà N1 phải trả cho bà N 59.800.000 đồng (trong đó: 25.000.000 đồng tiền vay và 34.800.000 đồng tiền công).

[2]. Bị đơn vợ chồng ông Lê Thanh H, bà Ngô Thị Kim N1 đã được Tòa án nhân dân thành phố T triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng vợ chồng ông H, bà N1 đều vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của vợ chồng ông H, bà N1 được.

*Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn bà Hoàng Thị N vắng, có đơn xin giải quyết vắng mặt.
- Bị đơn ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị Kim N1 vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật:* Ngày 05 tháng 8 năm 2020, bà Hoàng Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị Kim N1 phải trả số tiền đã vay theo “Giấy mượn tiền” ngày 24/5/2018 và xác nhận nợ công ngày 04/3/2020 với tổng số tiền là 59.800.000 đồng nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp tiền công” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và các Điều 90, 95 và 96 của Luật Lao động.

[1.2]. *Về thẩm quyền:* Tại thời điểm thụ lý, bị đơn vợ chồng ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị Kim N1 đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. *Về sự tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn vợ chồng ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị Kim N1 vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T vẫn tiến hành xét xử để giải quyết vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị N về số tiền vay là 25.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo các “Giấy mượn tiền” ngày 24/5/2018 (BL12) thể hiện: vợ chồng ông H, bà N1 có vay của bà N số tiền là 20.000.000 đồng; thời hạn vay là 01 tháng; lãi vay là 2.000.000 đồng; đến ngày 04/3/2020 vợ chồng ông H, bà N tiếp tục ký nhận nợ với số tiền là 5.000.000 đồng. Tổng cộng, vợ chồng ông H, bà N1 đã vay của bà N 25.000.000 đồng. Theo bà N thì hết thời hạn vay nhưng vợ chồng ông H, bà N1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Trong hồ sơ vụ án, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện vợ chồng ông H, bà N1 đã thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn cho bà N.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc vợ chồng ông H, bà N1 phải trả cho bà N số tiền đã vay theo “Giấy mượn tiền” ngày 24/5/2018, ngày 04/3/2020 là 25.000.000 đồng.

[3]. Đối với yêu cầu về số tiền công là 34.800.000 đồng:

Quá trình giải quyết vụ án, bà N cho rằng: Năm 2018 và năm 2019, bà N là lao động trồng bông giấy tại đường lộ theo công trình của vợ chồng ông H, bà N1; cụ thể: Năm 2018 là 108 ngày công và năm 2019 là 91 ngày; mỗi ngày công thỏa thuận là 200.000 đồng; tổng số tiền công là 39.800.000 đồng. Bà N nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông H, bà N1 không thanh toán nên bà N phải khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố T; khi đó vợ chồng ông H, bà N1 yêu cầu bà N rút đơn khởi kiện thì vợ chồng ông H, bà N1 mới trả. Tuy nhiên, sau khi rút đơn khởi kiện thì đến ngày 04/3/2020 vợ chồng ông H, bà N1 chỉ trả cho bà N 5.000.000 đồng và còn thiếu lại 34.800.000 đồng.

Xét thấy, mặc dù bà N làm tại công trình của vợ chồng ông H, bà N1 không có hợp đồng lao động, nhưng lời trình bày của bà N phù hợp với biên nhận ngày 04/3/2020 (BL11) khi vợ chồng ông H, bà N1 xác nhận số tiền công của bà N là 199 ngày x 200.000 đồng/ngày = 39.800.000 đồng, trả 5.000.000 đồng ngày 04/3/2020 và còn nợ lại 34.800.000 đồng. Do đó, yêu cầu của bà N về số tiền công được chấp nhận theo quy định tại các Điều 5, 90, 95 và 96 của Luật Lao động.

[4]. Tổng cộng, buộc vợ chồng ông H, bà N1 phải trả cho bà N số tiền đã vay theo các “Giấy mượn tiền” ngày 24/5/2018 và biên nhận nợ tiền công ngày 04/3/2020 là: 59.800.000 đồng.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Vợ chồng ông H, bà N1 phải chịu trên số tiền trả cho bà N (số tiền 59.800.000 đồng), với số tiền án phí cụ thể là:

$59.800.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.990.000 \text{ đồng}.$

- Bà N không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 5, 90, 95 và 96 của Luật Lao động.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị N đối với bị đơn vợ chồng ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị Kim N1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp tiền công”.

1.1. Buộc vợ chồng ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị Kim N1 phải trả cho bà Hoàng Thị N số tiền đã vay theo “Giấy nhận nợ” ngày 24/5/2018 và Giấy xác nhận tiền công lao động ngày 04/3/2020 là: 59.800.000 đồng (năm mươi chín triệu tám trăm ngàn đồng).

1.2. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Vợ chồng ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị Kim N1 phải nộp 2.990.000 đồng (hai triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng).

2.2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho bà Hoàng Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.495.000 đồng (một triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0050418 ngày 23/9/2020.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bà Hoàng Thị N và vợ chồng ông Lê Thanh H, bà Ngô Thị Kim N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thế Vọng**